

Bản án số: 50/2020/HSST
Ngày: 26/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga

Nghề nghiệp: cán bộ hưu trí

2. Ông Nguyễn Hữu Đức

Nghề nghiệp: cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng - cán bộ Tòa án nhân dân Quận N Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Trung tâm thể dục thể thao Quận N – 120-122 Khánh Hội, Phường N, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/HSST-QĐXX ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận N – TP. Hồ Chí Minh đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Văn A**, sinh ngày 23/7/2000, tại Bến Tre; tên gọi khác: Nhóc; giới tính: Nam; Đăng ký HKTT: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: 384/94 E, Phường F, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1975 và bà Trương Thị Thúy L, sinh năm 1980; vợ: không có; con: sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Như V, sinh năm 2003 vào năm 2017 khi chưa đủ 18 tuổi, có 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 19/10/2018 bị Công an Quận N bắt về tội “Trộm cắp tài sản”. Toà án nhân dân Quận N xử phạt 01 năm tù, chấp hành xong ngày 26/10/2019 (Bản án số 25/HSST ngày 24/4/2019); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/11/2019 đến nay “có mặt”.

2. Họ và tên: **Trương Văn B**, sinh ngày 14/9/1997, tại TP. Hồ Chí Minh; tên gọi khác: Tý Anh; giới tính: Nam; đăng ký HKTT: 75/4 X, phường Y, Quận G, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: không nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Trương Văn K (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1971; vợ: sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Mai T (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2009 đến năm 2019 sống chung như vợ chồng với Thạch Phương Trúc Tt, sinh năm 1994 không đăng ký kết hôn và có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: Ngày 22/3/2018 sử dụng trái phép chất ma túy, bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 184 ngày 21/6/2018 Tòa án nhân dân Quận N, chấp hành xong tháng 6/2019; nhân thân: Ngày 02/3/2016 sử dụng trái phép chất ma túy, bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số

170 ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận N; Ngày 30/9/2016, bị Tòa án nhân dân Quận G xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản (Bản án số 182/2016/HSST ngày 30/9/2016), chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2017, đã nộp án phí HSST ngày 30/10/2018; Ngày 19/5/2020, bị Tòa án nhân dân Quận G, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019 - (Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 19/5/2020) - Bản án đã có hiệu lực pháp luật; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/11/2019. “có mặt”

+ *Người bị hại:* Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1996

Địa chỉ: 347/33/5 U, Phường D, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh. “vắng mặt”

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Mỹ M, sinh năm 1988 “vắng mặt”

Địa chỉ: I, V, huyện Z, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh J, sinh năm 1988

Địa chỉ: 874/22/2 Bis E, Phường F, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh. “có mặt”

NỘI M VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội M vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 05/11/2019, Trương Văn B điều khiển xe gắn máy loại Hayate biển số: 62T3 – 4420 chở Trương Văn A lưu thông vào hẻm 92 W, Phường F, Quận N, khi đến trước nhà số 92/41/19 W, Phường F, Quận N thì B phát hiện chị Đoàn Thị Thu H đang ngồi sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen trên tay. Lúc này, B rủ A cướp giật điện thoại của chị H bán lấy tiền tiêu xài, A đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe Hayate biển số: 62T3 – 4420 chạy vòng qua phía sau chỗ chị H ngồi khoảng 10 mét để A xuống đi bộ cướp giật điện thoại, nhưng A sợ chạy không kịp nên không dám chạy bộ cướp giật. B kêu A lên xe, B điều khiển xe chạy áp sát từ phía sau lưng chị H, để A ngồi sau xe dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại của chị H đang cầm trên tay. Sau khi cướp giật được, B tăng ga chở A tẩu thoát. Chị H chạy bộ đuổi theo truy hô “cướp....cướp”. Lúc này, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) chạy xe gắn máy chở bình gas đi hướng ngược chiều dùng xe chặn đầu và dùng chân đạp vào xe của B và A làm xe té ngã xuống trước nhà số 92/41/18A W, Phường F, Quận N, B và A bỏ lại xe Hayate biển số: 62T3 – 4420 chạy bộ tẩu thoát mất. Lúc này, A cầm điện thoại cướp giật được cùng B tẩu thoát về tiệm game số 786 E, Phường F, Quận N. Sau đó, A nhờ T (không rõ lai lịch) chở A và B về nhà số 384/94 E, Phường F, Quận N (nhà của bà Nguyễn Thị Thanh J mẹ vợ A), A đưa điện thoại đã cướp giật được cho B, B tháo sim và ốp điện thoại bỏ sọt rác và đưa điện thoại cho A giữ. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, B kêu A đưa điện thoại, B cầm điện thoại đi đến tiệm game bán cá 786 E, Phường F, Quận N gặp Q (không rõ lai lịch) nhờ bán giúp chiếc điện thoại. Q đồng ý và cầm điện thoại đi bán với giá 2.000.000 đồng và thông báo cho B biết (B chưa gặp Q lấy tiền). Riêng chị H sau khi bị cướp giật điện thoại, chị H đến Công an Phường F, Quận N trình báo.

Ngày 06/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận N mời Trương Văn A và Trương Văn B đến trụ sở Công an làm việc. Trương Văn A và Trương Văn B khai nhận toàn bộ hành vi “Cướp giật tài sản” như trên. Lời khai của Trương Văn A và Trương Văn B phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, người biết việc và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Theo kết luận định giá số 125/KL-HĐĐG ngày 20/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận N, 01 sim điện thoại di động số thuê bao 0937207490

không xác định được giá trị; 01 ốp điện thoại di động bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng không xác định được giá trị; 01 điện thoại di động hiệu Apple loại iphone 7 plus, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị 4.950.000 đồng.

Qua xác B, Trương Văn B có Quyết định truy nã số 12 ngày 14/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận G. Do đó, ngày 6/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận N lập biên bản giao B cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận G thụ lý theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng tên U là người chở A và B về, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N không xác định được nhân thân lai lịch của U nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với đối tượng tên Q là người bán điện thoại cho B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N không xác định được nhân thân lai lịch của Q nên không có cơ sở để xử lý.

Ngoài ra, qua quá trình điều tra: A khai năm 2017 có sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Như V (sinh ngày 18/5/2003) và có con tên Nguyễn Ngọc Thanh O (sinh ngày 31/7/2018). Qua làm việc V khai có sống chung với A từ năm 2017, V từ chối giám định (bà Nguyễn Thị Thanh J là mẹ ruột của V cũng không đồng ý đưa V đi giám định). Khi A giao cầu với Nguyễn Thị Như V thì A chưa đủ 18 tuổi (sinh ngày 23/7/2000), do đó hành vi của A không cấu thành tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 28/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận N đã truy tố các bị cáo Trương Văn A (Nhóc) và Trương Văn B (Tý Anh) về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trương Văn A và Trương Văn B thừa nhận thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị Thu H đúng như nội M cáo trạng truy tố.

- Người bị hại - bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu các bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là chiếc điện thoại với số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, cụ thể mỗi người sẽ bồi thường cho bà H số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trương Văn A và Trương Văn B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn A từ 04 năm đến 05 năm tù; đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn B từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; không phạt bổ sung do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; về phần dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), cụ thể mỗi người bồi thường cho bà H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình đối đáp, tranh luận, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ ý kiến như trên, không phát sinh tình tiết nào mới.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an Quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và còn phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai những người làm chứng cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Đề có tiền tiêu xài, Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 05/11/2019 tại trước nhà số 92/41/19 W, Phường F, Quận N, B điều khiển xe gắn máy hiệu Hayate biển số: 62T3 – 4420 chở A ngồi phía sau áp sát vào phía sau lưng bà H để A dùng tay trái giật lấy 01 điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen và 01 sim số 0937207490, trị giá 4.950.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) của chị Đoàn Thị Thu H đang cầm trên tay rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận N đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm, B là người điều khiển xe gắn máy áp sát phía sau lưng của bà H đang ngồi để cho A trực tiếp dùng tay trái giật lấy điện thoại của bà H đang cầm trên tay rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đối với bị cáo A có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 26/10/2019 nhưng không biết ăn năn hối cải mà còn tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản do B rủ rê và là người trực tiếp thực hiện hành vi giật điện thoại của chị H do đó thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Trương Văn B có 01 tiền sử sử dụng trái phép chất ma túy và có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt từ tháng 3/2017, là đối tượng nghiện ma túy. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để xử phạt mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Trương Văn B còn áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp với hình phạt phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét tình tiết các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Xét hoàn cảnh của các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về phần dân sự: người bị hại - bà Đoàn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bà H có yêu cầu các bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà đối với tài sản chiếm đoạt không thu hồi được với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Các bị cáo đồng ý bồi thường, cụ thể mỗi người bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà H toàn bộ số tiền nêu trên, cụ thể mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà H số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Hayate biển số: 62T3 – 4420, số khung: RLSCF4EHOA-0108997, số máy: F4A5-171877. Đây là phương tiện Trương Văn A và Trương Văn B dùng để đi “Cướp giật tài sản”. Qua xác B, chiếc xe trên do bà Lê Thị Mỹ M, ngụ tại ấp A J, xã K, huyện P, tỉnh Long An đứng tên chủ sở hữu. Bà M cho biết đã bán chiếc xe trên từ năm 2015 cho 1 người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 8.000.000 đồng và viết giấy tay mua bán. B khai mượn của bà Nguyễn Thị Thanh J (mẹ vợ) để chở A đi ăn. Bà J cho biết mua xe trên của 1 người phụ nữ tên H khoảng 60 tuổi (không rõ lai lịch) vào tháng 4/2019 với giá là 4.500.000 đồng và viết giấy tay mua bán (bà J đã làm mất giấy mua bán trên), bà J không biết việc B dùng xe đi cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N đã cho đăng báo tìm những người J quan đến chiếc xe trên nhưng hiện chưa có kết quả. Xét thấy cần trả lại cho bà J do bà J cho B mượn để sử dụng và không biết việc B dùng làm phương tiện phạm tội.

- 01 nón lưỡi trai màu trắng, 01 áo sơ mi tay dài màu xanh đen có sọc trắng, 01 quần jean dài màu đen, 01 sợi dây nịt màu đen là trang phục B mặc khi đi “Cướp giật tài sản”. Đây là trang phục cá nhân của bị cáo B, bị cáo không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 quần lửng màu đen có viền sọc đen trắng ở cuối ống quần, túi sau bên phải có chữ BURBERRY LONDON là trang phục A mặc khi đi “Cướp giật tài sản”. Đây là trang phục cá nhân của bị cáo A, bị cáo không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 12/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự Quận N và Công an Quận N).

- 01 đĩa DCD màu vàng bên trong chứa 01 đoạn video ghi nhận nội M 2 thanh niên cướp giật tài sản tại trước nhà số 92/41/19 W, Phường F, Quận N. Đây là chứng cứ quan trọng cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Về án phí DSST, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn A (Nhóc) và Trương Văn B (Tý Anh) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Trương Văn A 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2019. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Trương Văn B 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, TP. Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Trương Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc Trương Văn A và Trương Văn B mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh J 01 xe gắn máy hiệu Hayate biển số: 62T3 – 4420, số khung: RLSCF4EHOA-0108997, số máy: F4A5-171877.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón lưỡi trai màu trắng, 01 áo somi tay dài màu xanh đen có sọc trắng, 01 quần jean dài màu đen, 01 sợi dây nịt màu đen là trang phục B mặc khi đi “Cướp giật tài sản”.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần lửng màu đen có viền sọc đen trắng ở cuối ống quần, túi sau bên phải có chữ BURBERRY LONDON là trang phục A mặc khi đi “Cướp giật tài sản”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 12/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự Quận N và Công an Quận N).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DCD màu vàng bên trong chứa 01 đoạn video ghi nhận nội M 2 thanh niên cướp giật tài sản tại trước nhà số 92/41/19 W, Phường F, Quận N.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ J quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa A thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- . Bị cáo (2)
- . Người tham gia tố tụng (3)
- . CA TPHCM (PC 53) (1)
- . TAND TP.HCM (1)
- . Sở Tư pháp TP.HCM (1)
- . VKSND Q4 (2)
- . CA Q4 (2)
- . THADS Q4 (1)
- . THAHS Q4 (3)
- . Lưu VP - hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thảo